TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2024/DS-PT
Ngày: 13-3-2024
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang.

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Diệp

Bà Phạm Ngọc Giàu

- Thư ký phiên tòa: Lê Thị Bảo Thoa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 445/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023, về việc: "Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 125/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc A, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ D, ấp G, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Bùi Tiến T, sinh năm 1983, nơi cư trú: Tổ F, ấp G, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh Bùi Tiến T: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984; nơi cưu trú: Số G, đường P, khu phố A, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo Hợp đồng ủy quyền tham gia tố tụng ngày 20/02/2023, có mặt).

Người kháng cáo: Bà Trần Ngọc A là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 07/12/2022 và khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Ngọc A trình bày:

Bà là người sở hữu và sử dụng thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2, đường G, trụ điện 78, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, hiện nay bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất trồng cây cao su vào ngày 20/9/2018. Vào ngày 23/9/2022, bà phát hiện anh Bùi Tiến T đang khai thác 811 cây cao su trên phần đất có diện tích 02ha thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2, đường G của bà. Bà yêu cầu anh T ngừng việc khai thác mủ nhưng anh T không chấp hành, anh T vẫn tiếp tục khai thác. Cùng ngày 23/9/2022 bà đã làm đơn tố giác anh Bùi Tiến T đến Ủy ban nhân dân xã T và Công an xã T nhưng hai bên hòa giải không thành. Đến ngày 21/11/2022 bà làm đơn tố cáo gửi Công an huyện T và Công an huyện T có chỉ đạo Công an xã T lập biên bản hiện trường nhưng anh Bùi Tiến T vẫn không ngừng khai thác mủ.

Nay khởi kiện bà yêu cầu anh Bùi Tiến T bồi thường thiệt hại cho bà đối với 811 cây cao su theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/5/2023 với số tiền tổng cộng là 287.446.000 đồng, cụ thể gồm:

- Chi phí cày đất, chi phí bón phân, chi phí xịt thuốc 36.250 đồng cây x 811 cây x 4 năm = 118.406.000 đồng.

- Sau 2 năm chăm sóc phục hồi bôi thuốc, mỗi năm chăm sóc 3 lần, mỗi lần 24 bao diêm x 6 lần là 144 bao, trị giá mỗi bao là 1.110.000 đồng (Diêm 20-15 hiệu Cò Vàng) x 144 bao = 159.840.000 đồng.

- Tiền công bón phân mỗi bao là 50.000 đồng x 144 bao = 7.200.000 đồng.

- Tiền thuốc và tiền công bôi thuốc miệng cạo mỗi năm là 1.000.000 đồng, 2 năm là 2.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Tiến T thì bà thừa nhận vào ngày 17/9/2021 bà có vay của anh Bùi Tiến T số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3,33%/tháng, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng tiền lãi, thời hạn trả tiền nợ gốc là 01 năm (từ ngày 17/9/2021 đến ngày 17/9/2022). Khi vay tiền bà có thế chấp vườn cao su khoảng 4 năm tuổi, có diện tích 20.000.000m^2 (02 ha) tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Nếu đến thời hạn trả nợ ngày 17/9/2022 mà bà không trả tiền cho anh T thì bà Trần Ngọc A sẽ tự nguyện giao 02ha đất cho anh T sử dụng, việc có ghi thêm chữ "cao su" trong giấy vay tiền thì bà không biết, sau khi anh T viết giấy vay tiền xong thì bà có tự đọc lại thì chỉ có "tôi hoàn toàn tự nguyện dao quyền cho anh Bùi Tiến T được quyền sử dụng (2ha) không có chữ "cao su". Giấy vay tiền do anh T viết, sau khi viết xong, anh T có đọc lại cho bà nghe và bà đồng ý ký tên, việc bà ký tên là tự nguyện, không ai ép buộc và bà cũng được giữ 01 bản gốc. Trước khi đến thời hạn trả tiền ngày 17/9/2022 khoảng 15 ngày thì bà có điện thoại cho anh T và có nói là chị H của bà hứa sẽ bán đất để cho bà mượn trả tiền cho anh T, bà cũng có ý định thế chấp đất nhà đang ở để trả cho anh T thì anh T trả lời tới ngày đó thì anh T sẽ tính và tới ngày 23/9/2022 anh T đã tự ý vào khai thác mủ cây cao su của bà. Sau khi vay bà đã đóng lãi cho anh T được 7 tháng (tính đến tháng 4/2022) với số tiền 70.000.000 đồng, khi đóng tiền lãi không làm giấy, những lần lấy tiền lãi thì anh T đến nhà bà lấy, có 1 lần bà giao tiền lãi cho anh T với số tiền 20.000.000 đồng tại chòi rẫy của bà vào khoảng tháng 6/2022 thì bà có viết giấy tay cho vợ anh T thể hiện bà có nợ anh T 2 tháng tiền lãi, giấy tay do vợ anh T cất giữ.

Nay bà Trần Ngọc A yêu cầu anh Bùi Tiến T bồi thường cho bà số tiền 287.446.000 đồng. Bà đồng ý trả cho anh T số tiền 300.00.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng (từ ngày 17/9/2021 đến 23/9/2022 (làm tròn 12 tháng) x 1.66%/tháng là 59.760.000 đồng. Bà đã đóng tiền lãi cho anh T được số tiền 70.000.000 đồng, cấn trừ vào số tiền lãi là 59.760.000 đồng, thì bà đồng ý trả cho anh T 10.240.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng, gốc và lãi bà đồng ý trả cho anh T là 310.240.000 đồng. Tuy nhiên, anh T phải cấn trừ số tiền thiệt hại cây cao su cho bà, cụ thể là 310.240.000 đồng - 287.446.000 đồng = 22.794.000 đồng. Như vậy, bà đồng ý trả cho anh Bùi Tiến T số tiền 22.794.000 (hai mươi hai triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn) đồng. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Đối với kiềng, chén được gắn trên 811 cây cao su thì bà đề nghị anh Bùi Tiến T phải tự tháo dỡ. Đối với số tiền thu được sau khi khai thác mủ 3 tháng là 3 triệu đồng mà anh T trình bày là không đúng, theo bà anh T phải thu được số tiền 15.000.000 đồng/3 tháng (khai thác theo DS3 – 01 tháng cạo 10 ngày) và bà yêu cầu anh T phải cấn trừ số tiền này vào tiền lãi cho bà.

Bị đơn anh Bùi Tiến T trình bày:

Vào ngày 17/9/2021 anh có cho bà Trần Ngọc A vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3,33%/tháng, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng tiền lãi, thời hạn trả tiền nợ gốc là 01 năm (từ ngày 17/9/2021 đến ngày 17/9/2022). Khi vay tiền bà Trần Ngọc A có thế chấp vườn cao su khoảng 4 năm tuổi, có diện tích 20.000.000m^2 (02ha), thửa đất số 18, tờ bản đồ số 35, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử đụng đất và tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Nếu đến thời hạn trả nợ ngày 17/9/2022 mà bà Trần Ngọc A không trả tiền cho anh thì bà Trần Ngọc A sẽ tự nguyện giao vườn cây cao su cho anh T khai thác. Tuy nhiên, sau khi vay bà A không trả tiền lãi cho anh T, khi đến hạn trả nợ gốc ngày 17/9/2022 bà A cũng không trả tiền gốc cho anh T và bà A cũng không tự nguyện giao vườn cây cao su cho anh T khai thác, anh có đến gặp bà A để nói chuyện nếu đến hạn bà A không trả tiền cho anh thì anh sẽ vào khai thác vườn cây cao su. Do đó, anh đã vào khai thác vườn cây cao su của bà A theo như thỏa thuận trong giấy vay tiền và khai thác từ ngày 23/9/2022 đến ngày 09/12/2022. Giấy vay tiền do anh Bùi Tiến T viết, sau khi viết xong, anh T có đọc lại cho bà A nghe và bà A đồng ý ký tên. Anh cũng giao cho bà Ngọc A giữ 01 bản.

Nay anh Bùi Tiến T yêu cầu bà Trần Ngọc A trả cho anh T số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và lãi suất theo mức 1,66%/tháng kể từ ngày 17/9/2021 cho đến khi xét xử xong vụ án, tạm tính là 22 tháng, thành tiền là 109.560.000 đồng (300.000.000 đồng x 1.66% x 22 tháng). Ngoài ra, anh Bùi Tiến T không có yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc A yêu cầu anh T bồi thường cho số tiền 287.446.000 đồng thì anh T không đồng ý vì việc anh T khai thác mủ vườn cây cao su do bà A không trả tiền gốc và lãi cho anh T.

Đối với kiềng, chén được gắn trên 811 cây cao su thì anh Bùi Tiến T sẽ tự nguyện tháo dỡ sau khi Tòa án xét xử xong vụ án.

Đối với số tiền thu được sau khi khai thác mủ 03 tháng là 3.000.000 đồng thì anh đồng ý cấn trừ vào tiền lãi cho bà Trần Ngọc A.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Ngọc A trình bày: Bà thống nhất với kết quả định giá của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Tuy nhiên, tại vị trí miệng cạo của 30% cây cao su không có khả năng khai thác lại thì bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu anh Bùi Tiến T phải bồi thường số tiền cụ thể như sau: Theo quy trình sinh trưởng cao su của bà Trần Ngọc A còn 26 năm sẽ thanh lý, theo bà, 8 năm sẽ cạo tái sinh lại, như vậy bà yêu cầu bồi thường số tiền 26 năm x 8 tháng (1 năm sẽ cạo 8 tháng) = 208 tháng x 1.521.000 đồng (theo kết quả định giá)/1 tháng = 316.368.000 đồng.

Tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của anh Bùi Tiến T là ông Nguyễn Văn T1 trình trình bày:

Anh Bùi Tiến T đồng ý bồi thường cho bà Trần Ngọc A số tiền 9.126.000 đồng là số tiền thu được từ việc cạo tái sinh tại miệng cạo của 30% cây cao su bị thiệt hại. Đối với số tiền thu được từ việc khai thác mủ từ ngày 23/9/2022 đến ngày 09/12/2022 theo kết quả định giá là 12.500.000 đồng, sau khi trừ đi tiền công cạo 7.500.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng, anh T cũng đồng ý trả lại cho bà Trần Ngọc A. Tổng cộng, anh T đồng ý bồi thường cho bà Trần Ngọc A số tiền 14.126.000 đồng và anh T đồng ý cấn trừ vào tiền lãi cho bà Trần Ngọc A. Ngoài ra, anh T không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 130/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023, của Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc A đối với anh Bùi Tiến T về việc tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Buộc anh Bùi Tiến T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Ngọc A số tiền 40.926.000 (bốn mươi triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án bà Trần Ngọc A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án anh Bùi Tiến T không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng anh Bùi Tiến T còn phải trả cho bà Trần Ngọc A số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Ngọc A đối với anh Bùi Tiến T về việc bồi thường thiệt hại số tiền 246.520.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Tiến T đối với bà Trần Ngọc A về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Trần Ngọc A có nghĩa vụ trả lại cho anh Bùi Tiến T số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và 118.856.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 418.856.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/9/2023) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Buộc anh Bùi Tiến T có nghĩa vụ tháo dỡ kiềng, chén, máng được gắn trên 811 cây cao su kể từ ngày bản án có hiệu lực.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25/9/2023, bà Trần Ngọc A kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh T thì bà A không đồng ý trả mức lãi 1,66%/tháng và yêu cầu khấu trừ 70.000.000 đồng đã trả, nếu anh T không đồng ý thì bà đồng ý trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định là 0,83%/ tháng.

Tại phiên tòa, bà A và người đại diện hợp pháp của bị đơn thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Trần Ngọc A trong thời hạn luật định nên chấp nhận xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Bà Trần Ngọc A:

Bà Trần Ngọc A kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh T thì bà A không đồng ý trả mức lãi 1,66%/tháng và yêu cầu khấu trừ 70.000.000 đồng đã trả, nếu anh T không đồng ý thì bà đồng ý trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định là 0,83%/ tháng. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà A thay đổi yêu cầu kháng cáo, giữa bà và người đại diện hợp pháp của bị đơn thỏa thuận như sau:

Bà A trả cho anh T số tiền vay 300.000.000 đồng và tiền lãi 118.856.000 đồng; không tính tiền lãi từ ngày xét xử sơ thẩm đến ngày xét xử phúc thẩm.

Anh T bồi thường thiệt hại cho bà A số tiền 80.000.000 đồng và anh T tự nguyện tháo dỡ kiềng, chén, máng gắn trên 811 cây cao su của bà A. Ngoài ra, bà A không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Xét thấy, việc bà A và người đại diện hợp pháp của bị đơn thỏa thuận là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận và sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 2.000.000 đồng, bà A và anh T thỏa thuận được việc bồi thường nên mỗi người phải chịu 50%, bà anh đã nộp chi phí xong nên anh T phải có trách nhiệm trả lại cho bà A số tiền 1.000.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà A và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thi hành án theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên bà A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 122, Điều 123, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Diều 584 của Bộ luật Dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2023/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

1. Anh Bùi Tiến T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cho bà Trần Ngọc A số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án bà Trần Ngọc A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án anh Bùi Tiến T không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Bà Trần Ngọc A có nghĩa vụ trả lại cho anh Bùi Tiến T số tiền vay gốc là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng và tiền lãi là 118.856.000 (một trăm mười tám triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn) đồng, tổng cộng là 418.856.000 (bốn trăm mười tám triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

Ghi nhận việc anh T không yêu cầu bà A trả thêm tiền lãi từ ngày xét xử sơ thẩm đến ngày xét xử phúc thẩm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử phúc thẩm (ngày 13/3/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Buộc anh Bùi Tiến T có nghĩa vụ tháo dỡ kiềng, chén, máng được gắn trên 811 cây cao su của bà A kể từ ngày bản án có hiệu lực.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: bà A và anh T mỗi người phải chịu 1.000.000 đồng, bà anh đã nộp chi phí xong nên anh T phải có trách nhiệm trả lại cho bà A số tiền 1.000.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Ngọc A phải chịu 20.754.200 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.380.000 đồng theo biên lai thu số 0007793 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Bà Trần Ngọc A còn phải nộp thêm tiền án phí dân sự sơ thẩm là 13.374.200 đồng.

- Anh Bùi Tiến T phải chịu 4.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.741.000 đồng theo biên lai thu số 0008022 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả lại cho anh T số tiền là 5.741.000 đồng.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà A phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008557 ngày 26/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Tân châu Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà A đã nộp xong.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Thùy Trang

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện Tân Châu;
- CCTHADS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;